

Hùng An, ngày 03 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP CHI ỦY CHI BỘ

Thông nhất việc triển khai vận động tài trợ theo Thông tư 16 và đề xuất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo Nghị quyết 33.

Năm học 2025 - 2026

Hôm nay, vào hồi 8h00, ngày 03/9/2025 Chi ủy Chi bộ Trường Mầm non Việt Hồng tiến hành họp Chi ủy chi bộ về việc triển khai vận động tài trợ theo Thông tư 16 và đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo Nghị quyết 33 năm học 2025-2026.

Địa điểm: Tại phòng Hội đồng Trường MN Việt Hồng

I. THÀNH PHẦN: gồm có

1. Bà Lê Thị Mai Phương - Bí thư chi bộ chủ trì
2. Bà Hoàng Thị Thuyết - Phó bí thư chi bộ
3. Bà Hoàng Thị Chung - Chi ủy viên
4. Bà Nguyễn Thị Hải - Chi ủy viên
5. Bà Hoàng Thị Huệ - Chi ủy viên - Thư ký

II. NỘI DUNG

Bà Lê Thị Mai Phương - Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường triển khai dự thảo kế hoạch vận động tài trợ, hỗ trợ, đề xuất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận năm học 2025-2026 như sau:

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang về Quy định mức thu, các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Hướng dẫn số 1767/HD-UBND, ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND, ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang Nghị quyết quy định mức thu, các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng

nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ biên bản kiểm tra cơ sở vật chất nhà trường tu sửa trong dịp hè phục vụ cho năm học 2025-2026.

Căn cứ kế hoạch số 02/KH-MNVH ngày 31/7/2025 về kế hoạch mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi năm học 2025-2026.

Căn cứ nhu cầu của các bậc phụ huynh và các hoạt động của học sinh trong năm học 2025-2026, để các cháu học sinh có môi trường học tập tốt nhất.

Căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường, kinh phí ngân sách nhà nước cấp còn hạn hẹp không đủ để đáp ứng nhu cầu mua sắm, sửa chữa CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy và học, hỗ trợ các hoạt động giáo dục. Để đảm bảo đủ điều kiện về CSCV chuẩn bị cho năm học mới và các hoạt động giáo dục trong năm học.

Chi ủy Chi bộ nhất trí đề xuất tiếp tục vận động tài trợ, hỗ trợ CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy và học, hỗ trợ các hoạt động giáo dục đề xuất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận năm học 2025-2026.

III. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH

Học phí: Được miễn học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

IV. CÁC KHOẢN THU THEO NGHỊ QUYẾT 33 VÀ KÊU GỌI VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ THEO THÔNG TƯ 16

1. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ HĐGD theo NQ 33/2021

1.1. Về dịch vụ tuyển sinh: Thực hiện theo NQ 33/2021 mức thu từ 25.000^d - 45.000^d/1 học sinh tuyển mới.

Xét tuyển vào lớp đầu cấp: Dự kiến thu 40.000^d/1 trẻ (có kế hoạch tuyển sinh riêng).

- Cơ chế thu: Thu theo đợt xét tuyển trong năm học (Đầu năm học).
- Thời gian thu: Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Cơ chế sử dụng: Trích 85% kinh phí thu được chỉ cho Hội đồng xét tuyển nhà trường; 15% kinh phí chỉ cho Hội đồng xét tuyển Sở GD&ĐT.

1.2. Dịch vụ phục vụ

a. Tiền ăn

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.
- Cơ chế thu: Thu theo tuần học, tháng học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tuần, đầu tháng (Đến cuối tháng học sinh ăn không hết thì phần kinh phí đó sẽ được chuyển vào tháng tiếp theo; cuối năm học nếu học sinh ăn không hết thì nhà trường hoàn trả cho học sinh).

- Mức thu: 15.000^d/trẻ/ngày. Theo tình hình thực tế giá cả thị trường và theo thỏa thuận với phụ huynh (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 12.000^d/ngày, mức tối đa 25.000^d/ngày)

- Cơ chế sử dụng: Chi 100% cho bữa ăn chính và bữa ăn phụ theo thỏa thuận.

b. Tiền thuê cấp dưỡng

- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo tháng thực học (đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi).

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng.

- Mức thu: 80.000^d/trẻ/tháng (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 80.000^d/tháng, mức tối đa 100.000^d/tháng)

- Cơ chế sử dụng: Chi 80% cho người trực tiếp làm nhiệm vụ cấp dưỡng; 20% chi công tác quản lý, phục vụ

c. Tiền quản lý học sinh ăn, ở bán trú

- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo số ngày thực học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng.

- Mức thu: 5.000^d/trẻ/ngày (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 4.000^d/ngày, mức tối đa 5.000^d/ngày)

- Cơ chế sử dụng: Chi 70% cho người trực tiếp chăm sóc học sinh, 10% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho việc bảo trì cơ sở vật chất; 10% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập.

d. Tiền mua đồ dùng bán trú

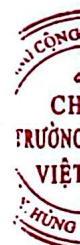
- Đối tượng áp dụng: Học sinh ăn bán trú tại trường không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu năm.

- Mức thu: Trẻ mới: 150.000^d = trẻ/năm

Trẻ cũ: 100.000^d trẻ/năm



(Theo Nghị quyết Học sinh cũ: mức tối thiểu 70.000^d/tháng, mức tối đa 100.000^d/tháng. Học sinh mới: mức tối thiểu 150.000^d/tháng, mức tối đa 200.000^d/tháng).

- Cơ chế sử dụng: Chi mua sắm mới, mua bổ sung do hao mòn các vật dụng phục vụ bán trú.

e. Nước uống cho học sinh và vệ sinh trường học

*** Nước uống cho học sinh**

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu năm học.

- Mức thu: 36.000^d/trẻ/năm học (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 3.000^d, mức tối đa 7.000^d).

- Cơ chế sử dụng: Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ, công tác bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị.

*** Vệ sinh trường học**

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng học.

- Mức thu: 10.000^d/học sinh/tháng (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 8.000^d, mức tối đa 10.000^d)

- Cơ chế sử dụng: Chi trả thù lao cho người lao động vệ sinh nhà trường theo thỏa thuận hợp đồng (bao gồm vệ sinh khuôn viên nhà trường, lớp học, nhà vệ sinh,...); chi trả mua sắm các vật tư, thiết bị phục vụ công tác vệ sinh (chổi, xô, thùng đựng rác, dung dịch sát khuẩn, tẩy rửa, giấy vệ sinh, xà phòng,...).

f. Tiền điện vận hành và bảo dưỡng thiết bị

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Thu vào đầu tháng học.

- Mức thu dự kiến: 5.000^d-10.000^d/học sinh/tháng (Theo Nghị quyết thu theo tình hình thực tế trên cơ sở thảo thuận và thống nhất với cha mẹ học sinh)

- Cơ chế sử dụng: 100% kinh phí thu của học sinh chi trả cho việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị.

1.3. Dịch vụ hỗ trợ

* Dạy tăng cường ngoại ngữ cho trẻ 3, 4, 5 tuổi

- Đối tượng áp dụng: Học sinh 3,4,5 tuổi đang theo học tại trường (có kế hoạch dạy tăng cường tiếng Anh riêng).

- Cơ chế thu: Thu theo tiết học.

- Thời gian thu: Thu theo lịch học trước 1 ngày.

- Mức thu: 8.000^d/học sinh/tiết (Theo Nghị quyết mức tối thiểu 7.000^d, mức tối đa 8.000^d)

- Cơ chế sử dụng: Chi 67% kinh phí cho người trực tiếp giảng dạy; 13% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho công tác bảo trì cơ sở vật chất; 8% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập; 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Hoạt động trải nghiệm

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang theo học tại trường

- Cơ chế thu: Thu theo đợt.

- Thời gian thu: Thu theo kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm từng đợt.

- Mức thu: Tùy theo tình hình thực tế tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

- Cơ chế sử dụng: Chi 90% kinh phí thu được của học sinh cho hoạt động trải nghiệm. Chi 10% cho công tác quản lý, phục vụ.

1.4. Đối tượng miễn giảm

- Học sinh thuộc hộ nghèo;

- Học sinh thuộc hộ cận nghèo; Học sinh khuyết tật; Học sinh có hộ khẩu thuộc vùng KT-XH đặc biệt khó khăn; Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người và một số chế độ chính sách khác.

1.5. Dịch vụ khác

* Gửi trẻ ngoài giờ chính khóa, ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hoặc trong thời gian nghỉ hè (Theo nhu cầu và thỏa thuận của PHHS)

* Dạy cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tổ chức các lớp năng khiếu, nghệ thuật cho trẻ tại trường (Thỏa thuận của PHHS)

* Tham gia HĐ trải nghiệm. (Thỏa thuận của CMHS về mức thu).

- Đối tượng áp dụng: Học sinh tham gia trải nghiệm.

- Cơ chế thu: Thu theo từng đợt trải nghiệm.

- Thời gian thu: Thu theo từng đợt trải nghiệm.

- Mức thu: 15.000^d/học sinh - 30.000^d (tùy từng đợt)

IN VỊ
ỦY
ẢNH
TỔNG
- T. T

- Cơ chế sử dụng: Chi 90% kinh phí cho hoạt động trải nghiệm ; 10% chi công tác quản lý, phục vụ.

2. Nguồn vận động tài trợ theo thông tư 16/2018

Thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

a. Tài trợ trang bị thiết bị sinh hoạt, đồ dùng phục vụ dạy và học

- Trang thiết bị đồ dùng tối thiểu, dùng chung của nhóm, lớp: Bàn ghế học sinh: $30 \text{ bộ} \times 800.000^d = 24.000.000^d$.

Tổng dự toán: $24.000.000^d$ (Hai mươi tư triệu đồng chẵn)

b. Cải tạo, sửa chữa, xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục

- Chỉnh trang lại các khu hoạt động, vui chơi quanh trường, tường bao, sơn lại khu giao thông, sân thể thao... $9.200.000^d$.

- Sơn sửa lại các con vật vườn cổ tích và đồ chơi ngoài trời $9.500.000^d$

- Đỗ sân bê tông khu vui chơi ngoài trời điểm Việt Hà $9.040.000^d$.

Tổng dự toán: $27.740.000^d$ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)

c. Hỗ trợ hoạt động giáo dục: Khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào thi đua, khen thưởng học sinh cuối năm học $4.830.000^d$

Tổng dự toán: $4.830.000^d$ (Bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)

(Có dự toán kinh phí chi tiết kèm theo)

Tổng kinh phí a + b + c: $61.400.000^d$ (Sáu mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng)

3. Khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận. (Theo văn bản số 1412/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu, chi và chấn chỉnh các khoản thu đầu năm đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2023-2024): Chết đót

- Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tập và ăn bán trú tại trường. Không tính học sinh được miễn giảm theo quy định.

- Cơ chế thu: Thu theo tháng.

- Thời gian thu: Thu vào đầu năm học.

- Mức thu: $10.000^d/\text{trẻ}/\text{tháng}$. (Theo tình hình thực tế giá cả thị trường và theo thỏa thuận với phụ huynh)

- Cơ chế sử dụng: Chi mua bình ga phục vụ công tác bán trú của học sinh.

V. TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN THẢO LUẬN

Chi ủy chi bộ hoàn toàn nhất trí các nội dung triển khai trên để nhà trường có nguồn đầu tư mua sắm, sửa chữa CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy và học, các hoạt động giáo dục tốt, đề xuất về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và khoản thu phục vụ trực tiếp cho người học theo hình thức thỏa thuận năm học 2025-2026.

Bà Lê Thị Mai Phương - Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường xin ý kiến biểu quyết của các thành viên trong cuộc họp: 100% các đồng chí tham gia buổi họp nhất trí.

Biên bản đã được thông qua mọi thành viên trong cuộc họp đều được nghe và nhất trí 100%. Cuộc họp kết thúc vào 10 giờ 20 cùng ngày./

THƯ KÝ

Hoàng Thị Huệ

CHỦ TỌA



Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường
Lê Thị Mai Phương

